UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 11 tháng 5 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Phát triển chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 – 2025

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BNNPTNT ngày 05/1/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phân tích nguy cơ và quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản và muối;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc phát triển Nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3772/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm nông nghiệp chủ lực và Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản giai đoạn 2020-2025 tỉnh Lào Cai.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc phát triển Nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025; phấn đấu đến năm 2025, góp phần nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa các ngành hàng chủ lực ước đạt trên 13.500 tỷ đồng, chiếm 65% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

- Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp từ chủ yếu đảm bảo an sinh xã hội, chưa gắn kết với thị trường sang sản xuất nông nghiệp hàng hoá, trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, bản sắc văn hóa, tri thức bản địa gắn với nhu cầu của thị trường; nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của

người dân và năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tạo nền tảng hội nhập kinh tế quốc tế. Các sản phẩm sản xuất theo chuỗi áp dụng các quy trình kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng và vận hành 08 dự án chuỗi sản phẩm chủ lực có liên kết chặt chẽ giữa người sản xuất với doanh nghiệp chế biến, làm đầu tàu thúc đẩy khả năng cạnh tranh các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh gắn với yêu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng gần 20.000 hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ các sản phẩm chủ lực; tổ chức cấp mới 100 Giấy xác nhận chuỗi cung ứng nông sản an toàn (theo Quyết định 3073/QĐ-BNNPTNT). Cụ thể:

+ 05 Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ các cây trồng chủ lực gồm: chè, dược liệu, rau, cây ăn quả, lúa gạo chất lượng cao. Góp phần nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa các cây trồng chủ lực đạt khoảng 4.400 tỷ đồng, chiếm trên 50% giá trị ngành trồng trọt và 21,3% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Tổng số doanh nghiệp/HTX tham gia liên kết 74 cơ sở.

+ 02 Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ vật nuôi chủ lực gồm: thủy sản nước lạnh; lợn, gà. Góp phần nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa các vật nuôi chủ lực đạt trên 5.500 tỷ đồng, chiếm 84% giá trị ngành chăn nuôi và 26,7% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Tổng số doanh nghiệp/HTX tham gia liên kết 82 cơ sở.

+ 01 Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ quế. Góp phần nâng cao giá trị sản xuất hàng hóa chủ lực ngành lâm nghiệp đạt trên 3.400 tỷ đồng và 16,5% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Tổng số doanh nghiệp/HTX tham gia liên kết 13 cơ sở.

- 100% sản phẩm sản xuất theo chuỗi được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như VietGAP, LocalGAP, GACP, hữu cơ…, được quản lý bằng hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản an toàn. Đa dạng hóa mẫu mã, chất lượng sản phẩm sản xuất theo chuỗi bằng công nghệ chế biến tiên tiến để đáp ứng yêu cầu thị trường, đặc biệt các thị trường xuất khẩu.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nội dung thực hiện 08 Dự án trọng tâm

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố có thể điều chỉnh vị trí, địa điểm xây dựng phát triển Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực cho phù hợp tiêu chí và mục tiêu dự án theo quy định, sau khi được sự đồng ý của UBND tỉnh, cụ thể:

STT	Danh mục dự án ưu tiên phát triển giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2021-2025			Thời gian thực hiện					Địa điểm dự kiến triển khai thực hiện
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Số DN, HTX tham gia liên kết	2021	2022	2023	2024	2025	
1	Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm Dược liệu	1,000	27,790	18	611	707	805	895	1,000	Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa; SiMa Cai
2	Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm Chè	7,500	60,000	16	6,500	6,650	6,900	7,350	7,500	Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên, Bảo Thắng, TP Lào Cai
3	Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm Rau	2,000	60,130	12	1,150	1,300	1,550	1,800	2,000	Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Thắng, Sa Pa; TP Lào Cai
4	Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả	3,500	90,000	23	1,581	2,081	2,581	3,081	3,500	Bảo Thắng, Mường Khương, Bát Xát
5	Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm Lúa gạo chất lượng cao	7,750	51,000	5	3,834	4,634	5,434	6,344	7,750	Bảo Thắng, Mường Khương, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát

6	Dự án Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm Quế	5,000	50,000	13	3,000	3,350	3,950	4,550	5,000	Bảo Thắng, Bắc Hà, Văn Bàn, Bảo Yên
7	Dự án Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, gia cầm trong đó:	Lợn: 460.000 Gia cầm: 4 triệu con	57,000	69	415,650	427,760	438,890	451,950	464,000	Bảo Thắng, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Bảo Yên
	Lợn (con)		46,000	36	412,000	424,000	436,000	448,000	460,000	
	Gia cầm (nghìn con)		11,000	33	3,650	3,760	2,890	3,950	4,000	
8	Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm cá nước lạnh	60.000 m3	800	13	57,450	57,900	58,250	58,700	60,000	Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa; Văn Bàn

2. Các yêu cầu chung về phát triển các Dự án chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản chủ lực giai đoạn 2021-2025

2.1. Dự án chuỗi sản phẩm dược liệu:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

- Trên cơ sở các quy định về quản lý và phát triển dược liệu, UBND các huyện, thị xã tổ chức rà soát định hướng vùng sản xuất dược liệu phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai để tạo vùng sản xuất tập trung trên địa bàn đáp ứng được sản xuất dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO. Cân đối sử dụng đất canh tác hợp lý; bố trí sử dụng đất đai vùng sản xuất đảm bảo đầy đủ các điều kiện về sản xuất dược liệu quy mô tập trung, phát triển hàng hóa và hướng đến tích tụ ruộng đất, tối thiểu đạt 0,2 ha/hộ gia đình, 02 ha/khu vực và 05ha trở lên/01 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn; nằm trong vùng định hướng sản xuất dược liệu, không bị ảnh hưởng trực tiếp các chất thải công nghiệp.

- Vùng định hướng sản xuất dược liệu, cần gắn với định hướng phát triển các cơ sở sản xuất giống dược liệu, các cơ sở thu mua, sơ chế, đóng gói, bảo quản sản phẩm dược liệu. Xây dựng kế hoạch trồng mới và trồng thay thế dược liệu hàng năm, tổ chức thực hiện mở rộng vùng sản xuất dược liệu gắn với nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp thông qua hợp đồng kinh tế cụ thể.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Cơ cấu lại vùng dược liệu hàng năm hiện có khoảng 500 ha, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng; thực hiện trồng mới 500 ha. Đến năm 2025, diện tích dược liệu hàng hóa hàng năm đạt khoảng 1.000 ha, sản lượng đạt trên 10.600 tấn tại Bát Xát,

Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai và Thị xã Sa Pa gắn với liên kết chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động chế biến, tiêu thụ dược liệu phải có hợp đồng đầu tư sản xuất, cam kết thu mua, chế biến dược liệu theo quy định của pháp luật. Người sản xuất tuân thủ quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, chế biến cây dược liệu do tổ chức, Doanh nghiệp cung cấp. Tổ chức tốt việc tham gia hỗ trợ của chính quyền, đoàn thể địa phương như Hội Phụ nữ xã, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện cho phát triển dược liệu bền vững tại địa phương.

c. Tổ chức sản xuất

- Mỗi huyện, thị xã thành lập từ 01 - 02 hợp tác xã tại các xã đã hình thành vùng nguyên liệu hàng hóa ổn định và 10 - 30 tổ hợp tác phát triển sản xuất dược liệu tại các thôn, bản trên cơ sở liên kết giữa các hộ dân có nhu cầu sản xuất đảm bảo liền vùng, liền khoảnh với diện tích tập trung từ 10 ha trở lên. Xây dựng ít nhất 02 - 03 mô hình/huyện về liên kết sản xuất cây dược liệu theo chuỗi giá trị, áp dụng công nghệ trồng và khai thác dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO.

- Kết nối, xây dựng các điểm du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại các vùng sản xuất dược liệu hàng hóa tập trung, liền vùng, liền khoảnh như Ý Tý (Bát Xát), Tả Van Chư (Bắc Hà), Tả Phìn (Sa Pa)…

d. Thu hoạch, sơ chế, chế biến

- Lựa chọn, thu hút từ 02 - 03 nhà đầu tư chiến lược để xây dựng nhà máy bảo quản, chế biến sâu dược liệu tại vùng sản xuất cây dược liệu tập trung như Bát Xát, Bắc Hà, Sa Pa…nhằm tạo ra các sản phẩm chế biến sâu như trà túi lọc, cao bánh, cao lỏng, viên nén…phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng. Ngoài ra, chế biến thành các sản phẩm làm quà cho du khách tại các điểm du lịch như sản phẩm thuốc tắm, gối thảo dược, các sản phẩm chức năng…

- Thu hút thêm 09 cơ sở chế biến dược liệu, đến năm 2025 tổng số cơ sở chế biến là 18 cơ sở, trong đó 02 cơ sở có quy mô doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất và chế biến dược liệu nâng khả năng chế biến sâu sản phẩm dược liệu lên 70%. Giá trị chế biến dược liệu ước đạt 623 tỷ đồng, tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 800 lao động.

e. Liên kết phát triển thị trường.

- Đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm được sản xuất, chế biến từ cây dược liệu; trong đó bảo hộ cho nhóm sản phẩm dược liệu chưa qua chế biến và dược liệu được chế biến dưới dạng cao lỏng, bột, trà túi lọc... đã và đang được các công ty đầu tư như: Công ty CP dược liệu Việt Nam, Công ty TNHH Traphaco Sa Pa, Công ty TNHH Tâm Phát Green…tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh để quảng bá và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm dược liệu đã được bảo hộ nhãn hiệu của tỉnh.

- Đăng ký tem truy xuất nguồn gốc, ghi chép hồ sơ, số lô, khoảnh cây dược liệu để xác định nguồn gốc nguyên liệu. Tổ chức kiểm tra chất lượng nguyên liệu

và việc công bố, ghi nhãn thành phẩm, thông tin, quảng cáo sản phẩm dược liệu theo quy định. Kiểm tra, giám sát quản lý chặt chẽ việc thực hiện sản xuất cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào trong sản xuất chế biến thuốc từ cây dược liệu trên địa bàn.

- Tăng cường quảng bá hình ảnh các vùng sản xuất dược liệu tập trung gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm; kết nối tiêu thụ sản phẩm dược liệu làm quà cho du khách tại các khu du lịch trên địa bàn tỉnh. Xây dựng khu trung tâm trưng bày, giới thiệu và kinh doanh quy mô lớn về dược liệu, tổ chức các tour du lịch cho khách trong và ngoài nước được tham quan và trải nghiệm sử dụng các sản phẩm dược liệu đặc trưng của địa phương. Tổ chức các lễ hội về dược liệu quy mô lớn lồng ghép với các dịp lễ hội do địa phương tổ chức, nhằm truyền thông và quảng bá các hình ảnh về vùng trồng dược liệu và giới thiệu về dược liệu Lào Cai tới du khách. Xây dựng cơ chế để liên kết các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh du lịch với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dược liệu, tạo ra sự cộng hưởng truyền thông giá trị văn hóa thảo dược.

2.2. Dự án chuỗi sản phẩm chè:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

- Trên cơ sở Quy hoạch chung của UBDN tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành việc rà soát, quy hoạch chi tiết vùng sản xuất nguyên liệu chè đến năm 2025 đến các xã. Tổ chức đánh giá hiện trạng, cơ cấu lại vùng nguyên liệu chè theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tạo vùng nguyên liệu chè hàng hóa tập trung quy mô lớn gắn sản xuất với tiêu thụ theo chuỗi giá trị sản phẩm. Kết hợp tốt nội lực trong nhân dân và doanh nghiệp với cơ chế chính sách đầu tư của Nhà nước, phát triển vùng nguyên liệu chè an toàn trên cơ sở sử dụng hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng, đất trồng một số loại cây trồng nhưng cho hiệu quả kinh tế thấp. Tổ chức khai thác tốt diện tích chè hiện có, đồng thời tiếp tục phát triển mở rộng vùng nguyên liệu chè tại những nơi có điều kiện tự nhiên phù hợp với cây chè.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Cơ cấu lại vùng sản xuất, tập trung thâm canh tăng năng suất, chất lượng chè, loại bỏ những nương chè sinh trưởng và phát triển kém, không đủ mật độ ra khỏi diện tích chè kinh doanh. Tổ chức trồng dặm đảm bảo mật độ đối với các diện tích chè bị mất khoảng; duy trì ổn định 6.500 ha chè hiện có, sử dụng giống chè chất lượng cao để trồng mới 1.000 ha, đến năm 2025 diện tích chè đạt 7.500 ha, sản lượng 60.000 tấn/năm; áp dụng quy trình kỹ thuật trong thiết kế, trồng, chăm sóc, chứng nhận chè đạt tiêu chuẩn VietGAP, Local GAP đối với vùng chè Bảo Thắng, Bảo Yên, Mường Khương; chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ đối với vùng chè Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương; tập trung thâm canh 5.000 ha chè kinh doanh đảm bảo năng suất tăng lên 10 - 15%. Bảo tồn và phát triển cây chè cổ thụ gắn với du lịch, chứng nhận chè VietGAP, chè hữu cơ đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Tăng cường mối liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với người trồng chè từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, gắn cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu. Tiếp tục

phân vùng nguyên liệu chè cho doanh nghiệp liên kết thu mua. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp trực tiếp quản lý vùng nguyên liệu theo yêu cầu chế biến và thị trường tiêu thụ, thông qua hợp đồng đầu tư thu mua, chế biến chè búp tươi cho các hộ nông dân theo các hình thức: ứng trước vốn hoặc bán vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cây giống trồng dặm không tính lãi suất; hỗ trợ tập huấn kỹ thuật và mua lại chè búp tươi cho người dân. Quyền lợi và trách nhiệm giữa 2 bên được thể hiện qua hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa và thực hiện dưới sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan chức năng có liên quan.

c. Tổ chức sản xuất

- Thành lập từ 10-30 tổ hợp tác về phát triển sản xuất chè bền vững. Xây dựng từ 02-03 mô hình liên kết sản xuất cây chè an toàn, hữu cơ theo chuỗi, áp dụng công nghệ chế biến hiện đại. Tạo điều kiện để người trồng chè tham gia chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị ngành chè (Doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong hướng dẫn, quản lý, giám sát quy trình kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm), hỗ trợ người trồng chè liên kết thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, câu lạc bộ sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn Vietgap hoặc các chứng nhận nông nghiệp khác để thuận lợi trong quá trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ.

- Doanh nghiệp đầu tư lựa chọn dây truyền công nghệ hiện đại phục vụ chế biến sâu, tạo ra các sản phẩm chè chất lượng cao, nâng cao giá trị thương hiệu; căn cứ vào sự phát triển của vùng nguyên liệu lắp đặt dây truyền, khai thác tối đa công suất máy. Tăng cường công tác kiểm tra trong quá trình chế biến, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa.

d. Thu hoạch, sơ chế, chế biến

- Mời gọi các doanh nghiệp có kinh nghiệm, năng lực tài chính đầu tư xây dựng nhà máy chế biến tại trung tâm các vùng nguyên liệu, đảm bảo sản phẩm chè búp tươi vận chuyển không quá 15km từ điểm thu mua đến khu vực chế biến; rà soát, sắp xếp và phân vùng nguyên liệu cho các tổ chức, cá nhân liên kết tiêu thụ chè búp tươi.

- Đầu tư công nghệ chế biến sâu, đa dạng mẫu mã sản phẩm, nâng giá trị sản phẩm/đơn vị canh tác từ 20 - 25% so với năm 2020; nâng tỷ lệ chế biến chè xanh chất lượng cao từ 15% lên 30 - 40%.

- Thu hút thêm 03 doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất chế biến, phấn đấu đến năm 2025 có 16 doanh nghiệp, HTX chế biến chè, nâng tổng công suất các nhà máy chế biến chè lên 94000 tấn/năm (tăng 34000 tấn so với năm 2020), giá trị sản xuất phục vụ chế biến chè khoảng 566 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho khoảng 1.200 lao động.

e. Liên kết phát triển thị trường.

- Đối với thị trường nội tiêu: Tăng cường xúc tiến thương mại trong nước, triển khai các hoạt động văn hóa trà kết hợp với dịch vụ du lịch. Tổ chức, tham gia các hoạt động hội thảo, festival quảng bá các sản phẩm chè. Phát triển các dòng sản phẩm chè xanh chất lượng cao, sản xuất chè có chứng nhận, đa dạng hóa sản

phẩm và tăng cường thiết kế bao bì mẫu mã phù hợp với xu thế tiêu dùng;

- Đối với thị trường xuất khẩu: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá để mở rộng sang thị trường chè cao cấp, khó tính nhằm nâng cao giá trị, thu nhập cho người sản xuất, kinh doanh chè.

- Từng bước giảm tỷ lệ xuất khẩu sang thị trường dễ tính (các nước vùng Trung Đông và Pakistan); tăng tỷ lệ xuất khẩu sang các nước EU, Đông Âu, Đài Loan đạt 20 - 30% sản lượng; chè nội tiêu đạt 30% sản lượng.

2.3. Dự án chuỗi sản phẩm rau:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

- Vùng rau an toàn trái vụ tập trung tại các huyện vùng cao như Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai, Bắc Hà và Sa Pa. Vùng rau chuyên canh hàng hóa tập trung tại các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát và thành phố Lào Cai.

- Cơ cấu lại vùng rau trái vụ vùng cao, rau chuyên canh hàng hóa để đảm bảo đến năm 2025, diện tích gieo trồng rau trái vụ vùng cao, rau chuyên canh hàng hóa đạt 2.000 ha, sản lượng trên 60.000 tấn/năm; trong đó vùng rau trái vụ vùng cao khoảng 1.200 ha tập trung tại Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai, Bắc Hà và thị xã Sa Pa; vùng rau chuyên canh đạt 800 ha tại Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát và thành phố Lào Cai. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với sơ chế, chế biến và tiêu thụ. Nâng giá trị sản xuất rau hàng hóa tăng từ 15 - 20% so với sản xuất rau đại trà.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Vùng rau an toàn trái vụ vùng cao: Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng phục vụ tưới tiêu, bảo quản chế biến theo các tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp; Phát triển mạng lưới tiêu thụ rau an toàn thông qua các siêu thị, đại lý, cửa hàng bán lẻ, gắn chứng nhận rau an toàn trên sản phẩm. Tùy thuộc từng loại rau trồng để lựa chọn các công nghệ, kỹ thuật phù hợp nhằm khai thác tối đa tiềm năng chất lượng giống về năng suất, sản lượng và lợi thế so sánh của sản phẩm.

- Vùng rau chuyên canh hàng hóa: Tùy thuộc loại rau trồng để lựa chọn các công nghệ, kỹ thuật phù hợp nhằm khai thác tối đa tiềm năng chất lượng giống về năng suất, sản lượng. Các công nghệ, kỹ thuật áp dụng có thể sử dụng là màng phủ nông nghiệp (PE) trong canh tác; hệ thống nhà lưới, nhà kính; canh tác trên giá thể, thủy canh, tưới tiết kiệm; quy trình sản xuất rau an toàn, IPM, VietGAP, GlobalGAP hoặc sản xuất hữu cơ (Organic); sử dụng phân bón vi sinh, hữu cơ, sử dụng thuốc BVTV sinh học, phun thuốc phòng trừ dịch bệnh tự động hoặc bán tự động; bảo quản, sơ chế giảm tổn thất sau thu hoạch.

c. Tổ chức sản xuất

- Thành lập từ 10-30 tổ hợp tác về phát triển sản xuất rau an toàn. Thành lập mới 4-5 Hợp tác xã sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng từ 02-03 mô hình liên kết sản xuất rau trái vụ an toàn theo chuỗi, áp dụng công nghệ chế biến hiện đại.

- Tiếp tục hỗ trợ duy trì các liên kết sản xuất và tiêu thụ rau có liên kết tiêu thụ ổn định đã hình thành (Liên kết của công ty Thiên trường với các hộ sản xuất rau trên địa bàn huyện Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa; liên kết HTX Mai Anh với các hộ trồng rau trên địa bàn phường Hàm Rồng, xã Ngũ Chỉ Sơn, xã Tả Phìn thị xã Sa Pa; xã Y tý, Trịnh tường của huyện Bát Xát; Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm su su của HTX Hoa Đào với các hộ dân trồng su su trên địa bàn thị xã Sa Pa; liên kết sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao của HTX Bảo Minh, HTX rau an toàn Gia Phú, Công ty Anh Nguyên...) đồng thời, tiếp tục mời gọi các doanh nghiệp HTX tham gia liên kết sản xuất với người dân. Các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động chế biến, tiêu thụ rau phải có hợp đồng đầu tư sản xuất, cam kết thu mua, chế biến theo quy định của pháp luật. Người sản xuất tuân thủ quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế rau do tổ chức, Doanh nghiệp cung cấp.

d. Thu hoạch, sơ chế, chế biến

Thu hút thêm 07 cơ sở chế biến rau, quả (trong đó 02 nhà máy sơ chế, chế biến rau quả tại huyện Bắc Hà và Bát Xát); nâng cấp các cơ sở hiện có tại Sa Pa, Bát Xát, nâng tổng số cơ sở sơ chế, chế biến rau quả đến năm 2025 là 35 cơ sở được đầu tư công nghệ hiện đại, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật chế biến sâu, số lượng rau được chế biến sâu 3.500 tấn đạt 4,8 % sản lượng rau, còn lại được sơ chế, đóng gói và bán tươi tại thị trường trong và ngoài tỉnh.

e. Liên kết phát triển thị trường.

- Tổ chức lại sản xuất thông qua hình thức hợp tác, liên kết giữa người dân với doanh nghiệp, HTX để tổ chức sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Khuyến khích và tăng cường các hình thức tiêu thụ sản phẩm rau an toàn thông qua hợp đồng bao tiêu sản phẩm. Vận động các tổ chức cá nhân có khả năng tiêu thụ sản phẩm tham gia vào hợp tác xã và đóng góp vốn để sản xuất kinh doanh rau an toàn, chất lượng cao.

- Xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm rau an toàn tại Sa Pa, Bắc Hà, thành phố Lào Cai và thành phố Hà Nội thông qua hệ thống các cửa hàng bán rau an toàn có xác nhận của các Công ty kinh doanh RAT tại Sapa, Bắc Hà, Thành phố Lào Cai và thành phố Hà Nội; các địa chỉ quen thuộc khác có uy tín và khả năng tiêu thụ tốt.

- Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm bằng các hoạt động thông tin tuyên truyền, xúc tiến thương mại như hỗ trợ quảng bá xây dựng thương hiệu cho sản phẩm rau ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Lào Cai, tạo cơ chế thuận lợi để gắn kết giữa khâu sản xuất với thị trường tiêu thụ, tăng cường tuyên truyền quảng bá lợi ích lâu dài của rau được sản xuất theo quy trình kỹ thuật an toàn đến người dân, đặc biệt là người dân tham gia buôn bán tại các chợ truyền thống.

2.4. Dự án chuỗi sản phẩm cây ăn quả:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

- Quy hoạch phát triển vùng cây ăn quả trong đó, cây ăn quả nhiệt đới tập trung tại các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát, Mường Khương và

cây ăn quả ôn đới tập trung tại các huyện: Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai và thị xã Sa Pa.

- Trên cơ sở các quy hoạch chung của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, tổ chức rà soát chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, định hướng vùng sản xuất cây ăn quả phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai để tạo vùng sản xuất tập trung trên địa bàn đáp ứng được sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn Viet GAP, Local GAP...trên địa bàn.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm

- *Sản xuất cây ăn quả ôn đới:* Rà soát, cơ cấu lại vùng trồng cây ăn quả ôn đới hiện có 3.500 ha, đảm bảo quy mô liền vùng, nâng cao năng suất, chất lượng; thực hiện trồng mới 500 ha tại Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà và thị xã Sa Pa. Đến năm 2025, diện tích cây ăn quả ôn đới hàng hóa đạt khoảng 4.000 ha, sản lượng đạt khoảng 15.000 tấn/năm với các loại cây như quýt Mường Khương, mận Tả Van, mận hậu, mận Tam hoa, lê VH6 và một số giống cây ăn quả ôn đới mới. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, sử dụng giống chất lượng, tạo thành vùng sản xuất tập trung, nâng cao năng suất từ 20-30%. Trên cơ sở lợi thế từng địa phương lựa chọn loại cây trồng đảm bảo rải vụ, quy mô đủ lớn, tập trung, có liên kết tiêu thụ sản phẩm để phục vụ chế biến gắn với du lịch sinh thái.

- *Sản xuất chuối, dứa*: Duy trì ổn định vùng chuối hàng hóa 4.700 ha, sản lượng 90.000 tấn/năm tại Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng; vùng dứa chuyên canh 1.500 ha, sản lượng khoảng 40.000 tấn/năm tại Bảo Thắng, Mường Khương, thâm canh rải vụ đảm bảo công suất nhà máy chế biến. Xây dựng vùng sản xuất theo hướng VietGAP, ứng dụng công nghệ cao, 100% diện tích chuối, dứa được cấp mã vùng trồng; tăng năng suất 10 - 15%; giá trị sản phẩm tăng 15 - 20% so với năm 2020; trên 90% sản lượng chuối được xuất khẩu chính ngạch và 50% sản lượng dứa được chế biến đóng hộp tại chỗ. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu sản phẩm chuối, dứa tại huyện Mường Khương.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, thâm canh và sử dụng giống mới, giống đảm bảo chất lượng để phục vụ trồng mới đảm bảo quy trình sản xuất; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và nông dân tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tùy thuộc loại cây để lựa chọn ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như tưới tiết kiệm, sản xuất theo quy trình sản xuất an toàn hoặc thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng túi bọc quả chống côn trùng chích hút; Sơ chế, bảo quản, đóng hộp sản phẩm sau thu hoạch bằng công nghệ tiên tiến giúp nâng cao giá trị sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển đổi diện tích ngô, lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả để hình thành vùng sản xuất tập trung như vùng dứa, chuối ở Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, tiêu thụ thuận lợi, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp lớn tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ với nhân dân để tạo tiền đề thu hút các doanh nghiệp tham gia chế biến sâu (hiện nay trên địa bàn tỉnh có 06 doanh nghiệp lớn tham gia liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm chuối dứa với diện tích trên 1.500 ha

với sản lượng trên 40.000 tấn, giá trị thu nhập bình quân đạt 150-300 triệu đồng/ha, sản phẩm chủ yếu là xuất khẩu, một phần bán tại thị trường nội địa).

c. Tổ chức sản xuất

Tổ chức lại sản xuất, thành lập tổ nhóm sản xuất, Tổ hợp tác, HTX liên kết với các doanh nghiệp, nhà máy chế biến đảm bảo đầu ra ổn định. Áp dụng các quy trình kỹ thuật an toàn hiệu quả trong sử dụng thuốc BVTV, sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, các biện pháp sơ chế sau thu hoạch. Tăng cường công tác quản lý giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV tại các vùng sản xuất hàng hóa; cấp mã số vùng trồng đảm bảo các điều kiện xuất khẩu chính ngạch; xây dựng mô hình sản xuất chuối, dứa an toàn, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tạo niềm tin cho người tiêu thụ từng bước ổn định đầu ra sản phẩm.

d. Thu hoạch, sơ chế, chế biến

- Thu hút thêm 07 cơ sở tham gia chế biến bảo quản, nâng tổng số cơ sở sơ chế, chế biến rau quả đến năm 2025 là 35 cơ sở: Trong đó sơ chế, chế biến rau, quả là 22 cơ sở tăng 07 cơ sở so với năm 2020; chế biến ớt 13 cơ sở. Với sự đầu tư công nghệ hiện đại, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật chế biến sâu rau, quả (đông lạnh nhanh IQRF, sấy chân không, đồ hộp, cô đặc…). Đối với chế biến tương ớt, đến năm 2025 giữ nguyên cơ sở tham gia chế biến tương ớt 13 cơ sở, trong đó doanh nghiệp/HTX là 06 cơ sở, còn lại là các hộ chế biến thủ công, nhỏ lẻ. Tổng công suất chế biến 1.000.000 lít tương ớt/năm, số lượng ớt tươi được chế biến tại các doanh nghiệp/HTX tăng 20% so với năm 2020.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy chế biến rau, quả xuất khẩu tại Lùng Vai Mường khương, áp dụng công nghệ chế biến hiện đại nâng số lượng quả được chế biến sâu (chủ yếu chuối, dứa) khoảng 30.000 tấn, chiếm trên 20% tổng sản lượng cây ăn quả của tỉnh.

e. Liên kết phát triển thị trường

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả của tỉnh. Chú trọng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn để chế biến sâu, tiêu thụ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất khẩu sang các thị trường khó tính như: EU, Nga, Tunisia, Séc, Kazakhstan, Hoa Kì…

- Thực hiện tốt việc dự báo, thông tin thị trường để định hướng sản xuất, tiêu thụ nông sản; nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản theo hướng đề xuất đầu tư xây dựng trung tâm trung chuyển hàng hóa tại Lào Cai phục vụ xuất khẩu, nhất là thị trường Vân Nam Trung Quốc. Tập trung xây dựng và tổ chức quản lý chặt chẽ thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý thông qua việc cấp giấy chứng nhận, duy trì quản lý tốt cấp mã số vùng trồng chuối và truy suất nguồn gốc.

2.5. Dự án chuỗi sản phẩm lúa gạo chất lượng cao:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

Quy hoạch đến năm 2025, mở rộng diện tích vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao 500 ha nâng tổng số diện tích lúa sản xuất hàng hóa lên 7.500 ha, sử dụng giống lúa đặc sản, chất lượng; sản lượng khoảng 51.000 tấn tập trung tại những vùng có khả năng chủ động tưới tiêu như: Bát Xát, Văn Bàn, Mường Khương, Bảo Thắng, Bảo Yên; cơ cấu lại các vùng lúa gạo theo hướng thâm canh, tăng năng suất; tỷ lệ sử dụng giống xác nhận trên 90%, áp dụng tiến bộ kỹ thuật để giảm chi phí đầu vào, tăng 15 - 20% năng suất, nâng cao giá trị thu nhập lúa gạo 25 - 30% so với năm 2020.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức theo hướng hình thành các vùng sản xuất có sự liên kết giữa các Hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân; tuyên truyền, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho nông dân về giống, kỹ thuật canh tác, bảo quản thu hoạch, trong đó chú ý đến tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Sử dụng các giống đặc sản địa phương và nhập nội có năng suất, chất lượng tốt đã được khẳng định về uy tín. Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình thâm canh cải tiến SRI, phòng trừ tổng hợp IPM, quy trình canh tác lúa tiên tiến phù hợp GAP, giảm dần việc sử dụng phân bón, thuốc BVTV hoá học, thay thế bằng các loại phân bón, thuốc BVTV sinh học… để giảm đầu vào và tổn thất sau thu hoạch, tăng năng suất.

- Mỗi tổ sản xuất, HTX sẽ ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thu mua sản phẩm. Giá thu mua sản phẩm không ấn định trước mà tùy theo giá thị trường. Đối với mỗi hộ tham gia mô hình, phải thỏa thuận cam kết, trong quá trình sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kỹ thuật đề ra từ khâu làm đất, gieo mạ, chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại… theo hướng dẫn của các cán bộ kỹ thuật.

c. Tổ chức sản xuất

- Thành lập các tổ hợp tác về liên kết phát triển sản xuất lúa hàng hóa; hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất nhằm duy trì và phát triển mở rộng vùng nguyên liệu; là đầu mối ký kết hợp đồng liên kết sản xuất gắn với bảo quản, chế biến tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ. Hỗ trợ chứng nhận hữu cơ, Viet GAP cho 200 ha cây lúa.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất thâm canh lúa, ngô cho các hộ nông dân tham gia dự án; ưu tiên đào tạo, tập huấn cho nông dân ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng chuyên canh tham gia liên kết sản xuất trong nông nghiệp.

- Xây dựng 02 - 03 mô hình liên kết trong sản xuất lúa hàng hóa bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm, xây dựng cánh đồng một giống, áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa hàng hóa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch đối với các địa phương có diện tích và điều kiện thuận lợi như: Văn Bàn, Bảo Yên, Bảo Thắng, Bát Xát...

d. Thu hoạch, sơ chế, chế biến

Đầu tư, nâng cấp các sơ sở chế biến lúa gạo hiện có, thu hút thêm 01 cơ sở chế biến thóc gạo *(chế biến đến công đoạn đánh bóng gạo)* tại xã Dương Quỳ, huyện

Văn Bàn công suất 4.000 tấn/năm; tiếp tục đầu tư nâng công suất chế biến các nhà máy tại Bát Xát, Mường Khương. Nâng tổng số cơ sở chế biến gạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 là 05 Doanh nghiệp, HTX. Đối với các hộ cá thể xay xát nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình chuyển dần sang thành lập các Tổ hợp tác hoặc HTX để có điều kiện đầu tư máy móc hiện đại, khép kín để cho ra các sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm.

e. Liên kết phát triển thị trường

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm gạo của tỉnh tại thị trường trong tỉnh và một số tỉnh/ thành phố khác như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định….Phát triển dịch vụ tư vấn thị trường, tiếp thị và phân phối cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm nhằm chào bán, xâm nhập vào các thị trường khu vực và quốc tế.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, chế biến gạo xây dựng phát triển và bảo vệ thương hiệu đối với các sản phẩm đã được chứng nhận như: Gạo Séng Cù, Khẩu Tan Đón, Khẩu Nậm Xít...tập trung xây dựng hệ thống quảng bá riêng để hướng tới xuất khẩu. Lấy khách hàng làm mục tiêu của chuỗi giá trị sản xuất đến tiêu thụ, từ đó thay đổi tập quán và văn hóa sản xuất.

2.6. Dự án chuỗi sản phẩm Quế:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

- Quy hoạch phát triển trồng quế theo hướng tập trung thành vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa quy mô hợp lý gắn với nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ ổn định nhằm nâng cao giá trị sản xuất cây quế.

- Trên cơ sở quy hoạch chung của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quy hoạch sản xuất trên địa bàn đồng bộ từ khâu quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ, chế biến, bảo quản, sơ chế đến khâu tiêu thụ sản phẩm quế nhằm khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, đất đai và nguồn nhân lực của địa phương.

- Xây dựng vùng quy hoạch trồng và phát triển cây quế ở vùng đất thuộc đai cao từ 100 - 800m, thuộc loại đất đồi núi có độ dốc vừa phải, tầng đấy dày, ẩm, nhiều mùn, thoát nước tốt, môi trường đất chua đến hơi chua với độ pHKCL= 4-5, đất phát triển trên các loại đá mẹ phiến thạch sét, sa thạch, granit, riolit và phải thuộc một trong các đối tượng: Đất đã trồng quế; đất lâm nghiệp quy hoạch rừng trồng sản xuất nhưng chưa có rừng, đất trống, đồi núi trọc, đất nương sắn. Đất có rừng là đất rừng sản xuất kém hiệu quả. Đất rừng trồng sản xuất các loài cây gỗ nhỡ đã đến thời kỳ khai thác.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Đến năm 2025, tiếp tục duy trì vùng trồng Quế tỉnh Lào Cai diện tích trên 50.000 ha tập trung chủ yếu tại các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, trong đó có khoảng 17.500 ha đạt tiêu chuẩn quế hữu cơ (Organic) phục vụ chế biến sâu vỏ quế và tinh dầu quế xuất khẩu mang thương hiệu Lào Cai, nâng tỷ

trọng giá trị ngành hàng quế chiếm khoảng 30% trong cơ cấu giá trị sản xuất lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật để khai thác, sơ chế, chế biến, bảo quản Quế thành phẩm giữ được hàm lượng tinh dầu cao, chế biến vỏ quế thành các sản phẩm có mẫu mã đẹp, đa dạng, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường...Đồng thời, có các cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển sơ chế vỏ quế thành phẩm, quảng bá thương hiệu sản phẩm Quế Lào Cai, xây dựng thương hiệu sản phẩm Quế hữu cơ.

c. Tổ chức sản xuất

- Xây dựng cơ chế liên kết kinh doanh sản xuất giữa doanh nghiệp và người trồng quế nhằm ổn định đầu ra cho người trồng.Thành lập các tổ nhóm nông dân sở thích, các hợp tác xã, tổ hợp tác trồng quế để trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ, cùng triển khai thực hiện.

- Tập hợp các hộ thu gom quế nhỏ lẻ thành các tổ hợp tác để quản lý (hiện nay số lượng người thu gom tương đối lớn chiếm khoảng 70% lượng người tham gia vào quá trình lưu thông các sản phẩm quế. Người thu gom thôn, xã hưởng lợi nhuận thông qua chênh lệch giá mua và giá bán và từ việc phân loại quế xô thành các chất lượng (A, B, C, quế dầu).

- Hàng năm căn cứ vào quỹ đất của các Công ty TNHH Lâm nghiệp, BQL rừng phòng hộ, tổ chức kinh tế, hộ gia đình cá nhân hiện có đất trong vùng quy hoạch, UBND tỉnh tiến hành giao kế hoạch. Sau khi có Quyết định giao kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư như Công ty TNHH Lâm nghiệp Bảo Yên, Văn Bàn và các BQL rừng PH, Tổ chức Kinh tế, hộ gia đình cá nhân triển khai thực hiện. UBND các xã, phường nằm trong vùng quy hoạch chỉ đạo, đôn đốc, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện trồng quế.

d. Thu hoạch, sơ chế, chế biến

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu tạo ra các sản phẩm đa dạng từ tinh dầu quế: 04 nhà máy (01 nhà máy chế biến sâu, tinh chế gỗ sản xuất các sản phẩm từ gỗ với công suất đạt trên 200.000m^3/năm tại huyện Bảo Thắng; 01 Nhà máy chế biến sâu tinh dầu quế tại huyện Bảo Yên với công suất trên 500 tấn tinh dầu/năm; 01 Nhà máy chế biến sâu vỏ quế, công suất trên 10.000 tấn tại huyện Bảo Thắng; 01 nhà máy/ cơ sở chiết suất nhựa Cánh kiến trắng thô thành Benzoic công suất trên 2.000 tấn/năm). 03 cơ sở (02 cơ sở chiết xuất tinh dầu quế tại huyện Văn Bàn, Bắc Hà; 01 cơ sở thu mua, chế biến dầu trẩu công suất 10.000 tấn/năm).

- Nâng cấp các nhà máy chế biến tinh dầu Quế trên địa bàn tỉnh thành các nhà máy công suất lớn, năng suất, chất lượng sản phẩm tinh dầu cao cấp hơn. Duy trì 04 cơ sở sản xuất sản phẩm mỹ nghệ từ gỗ quế tại xã Bảo Hà (Bảo Yên), xã Sơn Hà, xã Xuân giao (Bảo Thắng)và xã Nậm Đét (Bắc Hà); xây dựng bổ sung 01 cơ sở sản xuất mỹ nghệ Quế tại huyện Văn Bàn.

e. Liên kết phát triển thị trường

- Để tiêu thụ sản phẩm từ cây quế được thuận lợi cần xây dựng thương hiệu cho cây quế Lào Cai. Các Công ty, Doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm từ cây quế có vai trò chủ đạo trong việc xây dựng các cơ sở chế biến cây quế trên địa bàn tỉnh. Thành lập hiệp hội quế Lào Cai và các nhóm nông dân trồng quế làm cầu nối và tạo sự công bằng cho quyền lợi của người dân trồng quế và các doanh nghiệp chế biến quế. Tạo sự gắn kết, tin tưởng giữa các doanh nghiệp và người dân trồng quế trong việc hỗ trợ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cũng như thu mua nguyên liệu quế các loại.

- Có chính sách khuyến khích quảng bá thương hiệu sản phẩm quế Lào Cai, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp chế biến quế mở rộng thị trường, đặc biệt là các thị trường có nhu cầu lớn như: Ấn độ, Mỹ, Trung Quốc và thị trường Châu Âu.

2.7. Dự án chuỗi sản phẩm chăn nuôi lợn, gia cầm:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

Tổng đàn lợn sản xuất hàng hóa khoảng 460.000 con, sản lượng thịt hơi đạt 46.000 tấn, giá trị sản xuất chiếm trên 90% giá trị ngành chăn nuôi lợn. Tổng đàn gia cầm sản xuất hàng hóa đạt trên 4 triệu con, sản lượng thịt hơi đạt 11.000 tấn, sản lượng trứng đạt 60 triệu quả, giá trị sản xuất chiếm trên 80% giá trị ngành chăn nuôi gia cầm.

b. Xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm

- Vùng thấp thuộc các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát, Bắc Hà và thành phố Lào Cai: Phát triển chăn nuôi lợn năng suất cao theo mô hình trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp có quy mô lớn gắn với thu hút đầu tư chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm; chủ động sản xuất giống chất lượng cao; tập trung chuyển đổi hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao để hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm an toàn, hướng đến xuất khẩu. Hàng năm cung ứng cho thị trường khoảng 35.000 tấn. Đối với chăn nuôi gia cầm chuyển đổi mạnh hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt.

- Vùng cao tại các huyện Bắc Hà, Mường Khương, Văn Bàn, Bát Xát, Si Ma Cai và thị xã Sa Pa: Tập trung chăn nuôi lợn bản địa đảm bảo quy trình sản xuất an toàn, tổ chức quản lý theo cộng đồng tối thiểu từ cấp thôn, bản trở lên; xây dựng vùng giống lợn bản địa an toàn dịch bệnh tại các huyện để bảo tồn, phát triển chủ động sản xuất, cung ứng giống sạch bệnh tại chỗ. Tăng cường chế biến các sản phẩm đặc sản địa phương phục vụ du khách và mở rộng thị trường. Những vùng có đủ sản lượng khuyến khích chế biến sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP. Hàng năm cung ứng cho thị trường khoảng 11.000 tấn. Đối với chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh các giống gia cầm địa phương theo phương thức nuôi thả nhưng có quản lý. Những vùng có đủ sản lượng khuyến khích chế biến sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP. Hàng năm cung ứng cho thị trường khoảng 6 triệu con gia cầm thịt.

c. Tổ chức sản xuất

- Xây dựng mới 20 cơ sở chăn nuôi lợn đực khai thác, truyền tinh nhân tạo. Trong đó: Các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát mỗi huyện 03 cơ sở; các huyện Bắc Hà, Mường Khương và thành phố Lào Cai mỗi huyện, thành phố 02 cơ sở; huyện Si Ma Cai và thị xã Sa Pa mỗi huyện, thị xã 01 cơ sở.

- Hỗ trợ phát triển 600 trang trại chăn nuôi lợn quy mô nhỏ, 200 trang trại quy mô vừa và 10 trang trại quy mô lớn.

- Xây dựng được 02 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại thành phố Lào Cai, huyện Bảo Thắng đảm bảo Quy chuẩn Việt Nam số 150:2017/BNNPTNT quy định về yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

- Xây dựng 38 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô nhỏ tại các xã, phường, thị trấn, công suất giết mổ từ 10-50 con/cơ sở/ngày đêm. Cơ sở giết mổ có công trình xử lý chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ động vật, hạn chế mức thấp nhất ô nhiễm môi trường, từng bước xóa bỏ và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn việc giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ ở hộ gia đình.

d. Sơ chế, chế biến

Thu hút xây dựng 01 cơ sở giết mổ áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại tại cơ sở giết mổ thực hiện việc pha lọc, bảo quản thịt và chế biến thịt thành các dạng sản phẩm như thịt hộp, thịt xông khói, giò, chả, xúc xích, lạp xưởng...và 01 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi để khép kín quá trình sản xuất theo theo chuỗi giá trị trong chăn nuôi tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; xây dựng 02 HTX chế biến các sản phẩm từ thịt lợn đen tại xã Bản Xen, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương; xây dựng và đưa vào sử dụng 38 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô nhỏ tại các xã, phường, thị trấn đưa tổng số cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi đến năm 2025 là 69 cơ sở, tăng 04 cơ sở so với năm 2020. Với sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 68.500 tấn, số lượng thịt hơi chế biến đạt 20% tổng sản lượng, tăng 17% so với năm 2020.

e. Liên kết phát triển thị trường

- Nâng cao chất lượng sản phẩm vật nuôi qua việc sử dụng các loại giống có chất lượng thơm ngon phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và những công nghệ chăn nuôi hữu cơ, vietGAP, Global GAP...nhằm tạo ra sản phẩm chăn nuôi an toàn về vệ sinh thực phẩm tạo lòng tin với người tiêu dùng. Tăng cường lựa chọn các sản phẩm đặc hữu của địa phương để xây dựng thương hiệu như: Gà đen, lợn đen, vịt Sín Chéng...

- Thúc đẩy các "chuỗi giá trị" phát triển trên cơ sở đẩy mạnh việc xây dựng mối liên kết giữa người sản xuất, các cơ sở sản xuất, chế biến và các doanh nghiệp để tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt giữa các doanh nghiệp, các HTX, cơ sở chăn nuôi và các điểm buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm, các siêu thị trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hoá thị trường tiêu thụ sản phẩm để sản phẩm chăn nuôi của Lào Cai tham gia vào nhiều loại thị trường, từ việc tiêu dùng

tại chỗ với các sản phẩm phổ thông tới thị trường cao cấp tại các siêu thị, nhà hàng, khách sạn ở các khu du lịch và khu đô thị lớn; thị trường nước ngoài. Ngoài thị trường Trung Quốc cần tìm hiểu và tạo nhiều cơ hội mở các thị trường cao cấp hơn như các nước trong khối Asean, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc.

2.8. Dự án chuỗi sản phẩm cá nước lạnh:

a. Quy hoạch vùng sản xuất

Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị cá nước lạnh trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, thể tích nuôi đạt 60.000 m^3; năng suất bình quân 12,2 kg/m^3; sản lượng đạt 800 tấn (tăng trưởng bình quân 1,8%/năm). Đối tượng nuôi là loài cá hồi, cá tầm với phương thức nuôi thâm canh, tại 4/9 huyện, thị xã: Sa Pa, Bát Xát, Văn Bàn, Bắc Hà.

b. Tổ chức sản xuất

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng Doanh nghiệp/HTX chế biến thủy sản phải là hạt nhân của chuỗi giá trị thủy sản, các tác nhân tham gia chuỗi là các vệ tinh, liên kết các khâu trong chuỗi.

- Tổ chức lại mô hình các hộ gia đình sản xuất nhỏ lẻ theo hình thức hợp tác, liên kết thành các Tổ hợp tác, tổ chức cộng đồng, HTX, nhằm tăng cường giúp đỡ nhau trong sản xuất, cung ứng dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm. Xác định các mô hình nuôi trồng thủy sản phù hợp để chuyển đổi các hộ nuôi/khai thác nhỏ lẻ hiện nay tham gia chuỗi giá trị thủy sản, nâng cao thu nhập nông dân giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh không đảm bảo an toàn trong nuôi trồng thủy sản.

- Tập trung vào liên kết giữa Trung tâm nghiên cứu cá nước lạnh với các địa phương, cơ sở nuôi cá thương phẩm trong tỉnh để chuyển giao công nghệ nuôi, sản xuất giống và thức ăn, các biện pháp phòng trị dịch bệnh, xử lý môi trường nuôi cá nước lạnh…, nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

c. Sơ chế, chế biến

- Hình thành hệ thống các cơ sở chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm cá nước lạnh theo các vùng nuôi tập trung để đáp ứng nhu cầu của thị trường, giảm chi phí trung gian (vận chuyển, bảo quản,...) và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Xây dựng chỉ dẫn địa lý và thương hiệu sản phẩm cho các sản phẩm thủy sản có giá trị cao, mang tính đặc hữu của địa phương; khuyến khích việc áp dụng các quy trình kỹ thuật sạch, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn kĩ thuật đối với các sản phẩm thủy sản, truy suất nguồn gốc sản phẩm từ khâu nguyên liệu đến bàn ăn.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến, bảo quản thủy sản nước lạnh để tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng cao từ sản phẩm thủy sản nước lạnh đặc sản. Thu hút đầu tư 01 cơ sở chế biến sản phẩm thủy sản nước lạnh thành thực phẩm sử dụng ngay có tính tiện dụng cao đặt tại Sa Pa nâng tổng số cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản đến năm 2025 là 13 cơ sở.

- Đa dạng hóa các sản phẩm cá nước lạnh (cá thịt, cá trứng, xúc xích cá hồi, giò cá hồi, chả cá hồi, cá hun khói, cá phi lê hút chân không….) để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

d. Liên kết phát triển thị trường

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu thị trường và thị hiếu tiêu dùng sản phẩm cá nước lạnh để chủ động trong sản xuất. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm (cá nước lạnh) ra một số tỉnh thành phố Nam Định, Hải Phòng, Thanh Hóa.... Hiện nay thị trường tiêu thụ chủ yếu trong tỉnh và thành phố Hà Nội...bằng cách tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu sản phẩm thủy sản của Lào Cai thông qua tất cả các kênh thông tin, truyền thông, thông qua các triển lãm, các hội chợ thủy sản, qua du lịch.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp về tuyên truyền:

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đến các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân nhằm thay đổi nhận thức, tư duy, từ sản xuất nông nghiệp đảm bảo an sinh xã hội sang sản xuất nông nghiệp hàng hoá; từ phát triển nông nghiệp theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ số lượng sang chất lượng để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; sản xuất nông nghiệp gắn chặt với nhu cầu thị trường; nâng cao trình độ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật của người dân và năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông phổ biến các dự án, mô hình liên kết sản xuất an toàn theo chuỗi hiệu quả để vận động người dân, Doanh nghiệp tham gia phát triển và nhân rộng tại các địa phương trong tỉnh. Đồng thời, tổ chức các hội thảo/lớp tập huấn đào tạo hướng dẫn và chia sẻ xây dựng chuỗi liên kết sản xuất cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về quy hoạch:

Triển khai và quản lý hiệu quả Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển của các ngành, các địa phương theo Luật Quy hoạch nhằm phát huy lợi thế các sản phẩm chủ lực của địa phương, khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của vùng.

3. Giải pháp về tổ chức sản xuất

Tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hợp tác, theo chuỗi liên kết để nâng cao giá trị. Trong đó đặc biệt chú trọng đến: (1) Lấy doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác làm nòng cốt để tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, có sản phẩm đủ lớn để phục vụ chế biến và xuất khẩu. (2) Chú trọng việc liên kết giữa các vùng để hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng các thương hiệu, sản phẩm hàng hóa đặc hữu tại địa phương. (3) Đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các doanh nghiệp xây dựng cơ sở, nhà máy chế biến nông, lâm sản; liên kết với các hộ nông dân từ sản xuất đến thu mua, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi liên kết.

4. Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực sản xuất và chế biến nông, lâm thủy sản. Áp dụng công nghệ sinh học nuôi cấy mô, hom trong sản xuất giống cây trồng (cây ăn quả, chuối, chè...); áp dụng tiến bộ trong kỹ thuật sản xuất, lai tạo, nhập nội các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng. Chủ động về giống tiến tới sản xuất nông nghiệp an toàn ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng sản phẩm đủ điều kiện sản xuất hữu cơ.

- Ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Áp dụng các quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là thị trường khó tính.

5. Giải pháp về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm để mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa. Chú trọng liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, kiểm soát chất lượng sản phẩm.

- Tuyên truyền, vận động các cơ sở khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại, siêu thị bố trí trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu nông sản (tham gia Hội chợ triển lãm, Hội nghị xúc tiến, Hội nghị kết nối cung cầu, Đoàn giao thương…) tập trung vào thị trường vùng Tây Nam Trung Quốc và một số nước ASEAN, Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc).

- Thực hiện tốt việc dự báo, thông tin thị trường để định hướng sản xuất, tiêu thụ nông sản; nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu nông sản theo hướng đề xuất đầu tư xây dựng trung tâm trung chuyển hàng hóa tại Lào Cai phục vụ xuất khẩu, nhất là thị trường Vân Nam Trung Quốc. Tập trung xây dựng và tổ chức quản lý chặt chẽ thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý thông qua việc cấp giấy chứng nhận, cấp mã số vùng trồng và truy suất nguồn gốc.

6. Giải pháp về đất đai:

- Quy hoạch, bố trí sử dụng đất đai đảm bảo quỹ đất phục vụ cho vùng liên kết sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Đảm bảo cơ sở dữ liệu đất đai, giao đất, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho người dân và các thành phần kinh tế để tạo điều kiện thuận lợi tham gia góp đất, cho thuê đất sản xuất.

- Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê, góp đất nông nghiệp, vận động người dân "dồn điền, đổi thửa" khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở, nhà máy chế biến nông, lâm nghiệp, xây dựng khu logistic trên địa bàn do tỉnh đứng ra giải phóng mặt bằng, bố trí quỹ đất ưu đãi cho Nhà đầu tư theo các quy định hiện hành.

- Cơ cấu lại sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất linh hoạt theo kế hoạch đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thực hiện chuyển đổi

khoảng 7.000 ha đất trồng ngô kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng chủ lực có hiệu quả kinh tế cao hơn. Cơ cấu lại đất trồng rừng sản xuất để dành một phần diện tích quy hoạch nhưng sử dụng không hiệu quả sang phát triển nông nghiệp.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách về tích tụ đất đai, cho thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, có cơ chế chuyển đổi đất trồng ngô, cây trồng kém hiệu quả cho doanh nghiệp thuê đất tạo vùng sản xuất tập trung quy mô lớn và xây dựng cơ sở chế biến, giết mổ tập trung.

7. Cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực

- Đẩy mạnh thực hiện việc hỗ trợ người dân từ hỗ trợ đầu tư sang hỗ trợ sau đầu tư, từ hỗ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp thông qua hỗ trợ cho các doanh nghiệp bằng cách tạo mặt bằng đủ lớn về đất đai, cơ sở hạ tầng, giao thông, cấp điện, cấp nước cho doanh nghiệp.

- Ưu tiên, bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để chủ động nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tăng cường thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư liên kết trong phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị. Tăng cường hợp tác quốc tế, vận động, thu hút và sử dụng đúng mục tiêu, có hiệu quả nguồn vốn ODA trong phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Phối hợp với các sở ngành thực hiện việc lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia để xây dựng chính sách nông nghiệp hỗ trợ an sinh xã hội đảm bảo phù hợp mục tiêu của chương trình và điều kiện thực tiễn tại địa phương. Thực hiện có hiệu quả nguồn vốn của Trung ương, nguồn vốn sự nghiệp khoa học..

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; chú trọng kỹ năng xây dựng phương án sản xuất hiệu quả, nghiệp vụ tổ chức, quản lý, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

IV. . KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

4.1. Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021-2025

- Tổng nhu cầu vốn của dự án là **148,9** tỷ đồng đã được phê duyệt tại Đề án số 01-ĐA/TU ngày 11/12/2020 trong đó:

- Vốn ngân sách: 91,2 tỷ đồng, trong đó: (Vốn sự nghiệp NSĐP 21,2 tỷ đồng; vốn Chương trình MTQG 70 tỷ đồng).

- Vốn của doanh nghiệp, nhân dân đóng góp: 57,7 tỷ đồng.

4.2. Nguồn vốn:

- Ngân sách Trung ương: Nguồn đầu tư phát triển, trái phiếu chính phủ, sự nghiệp, các chương trình MTQG, các dự án nguồn vốn ODA, nguồn vốn tín dụng.

- Nguồn Ngân sách tỉnh: Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất; chính sách hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại.

- Nguồn vốn đầu tư các các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

1. Hiệu quả kinh tế

- Các Dự án Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025 góp phần đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp hàng hoá có giá trị kinh tế cao. Tạo ra các vùng sản xuất có quy mô lớn, sản phẩm chủ lực của tỉnh cạnh tranh được trên thị trường. Nâng cao hiệu quả kinh tế, giá trị gia tăng cho sản phẩm theo hướng sản xuất bền vững mang lại thu nhập cao cho người sản xuất và Doanh nghiệp.

- Góp phần nâng tổng giá trị sản xuất hàng hóa các ngành hàng chủ lực ước đạt trên 13.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 65% tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Thực hiện thắng lợi các mục tiêu Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc phát triển Nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2020 - 2025.

2. Hiệu quả xã hội

Tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa 6 nhà: Nhà nông, nhà khoa học, Doanh nghiệp, ngân hàng và nhà quản lý; góp phần thay đổi thói quen sản xuất, cách suy nghĩ của người sản xuất, kinh doanh về sản xuất bền vững và chuyển đổi tập quán canh tác theo hướng phù hợp với nền kinh tế thị trường.

3. Hiệu quả môi trường

Triển khai dự án góp phần khai thác tốt các lợi ích về môi trường, tạo cảnh quan môi trường thúc đẩy du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, phát triển ngành du lịch bền vững. Tạo lập một ngành nông nghiệp bền vững với việc giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường và đảm bảo lợi ích xã hội.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch được phê duyệt; đôn đốc, theo dõi quá trình triển khai thực hiện; kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập, xây dựng các dự án, mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp phù hợp với định hướng của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý cho nông sản, thực phẩm của tỉnh; tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp lập thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư các dự án thuộc phạm vi Kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu, cân đối bố trí kinh phí hỗ trợ từ các Chương trình/dự án thuộc lĩnh vực Sở được phân công theo dõi, quản lý để thực hiện các nội dung dự án đảm bảo theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Tài chính hướng dẫn Doanh nghiệp về điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư và tổ chức thẩm tra hỗ trợ các dự án theo quy định.

3. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí hàng năm cho các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng tham gia. Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí hỗ trợ chủ đầu tư theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp về giống, quy trình canh tác, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh đăng ký đặt hàng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các dự án liên quan đến phát triển sản xuất nông sản hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm (nếu có).

- Chủ trì thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về nhãn hiệu, sở hữu trí tuệ. Hỗ trợ hướng dẫn các thủ tục về sở hữu công nghiệp, xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào chuỗi sản xuất nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh.

5. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm của tỉnh;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tích cực vận động, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các nông sản, thực phẩm đặc trưng; xây dựng và phát triển hệ thống chợ, siêu thị tiêu thụ nông sản, thực phẩm.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn thủ tục, hồ sơ và thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tập trung đất đai, liên kết phát triển sản xuất theo chuỗi; hướng dẫn lập báo cáo, kế

hoạch bảo vệ môi trường và tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường.

- Rà soát bổ sung và tổ chức quản lý tốt quy hoạch sử dụng đất, tham mưu xây dựng các chính sách về đất đai để hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa.

7. Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh Lào Cai

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn đã ban hành; tạo cơ chế thông thoáng về hồ sơ, thủ tục vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ chức năng nhiệm vụ lựa chọn địa điểm, trình danh mục, chuẩn bị đầu tư, khái toán ngồn vốn, lập và phê duyệt dự án theo quy định phù hợp với thực tiễn địa phương mình.

- Rà soát quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch sản xuất theo quy hoạch chung của tỉnh; Bố trí cơ cấu sản xuất theo hướng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có chất lượng cao gắn với các cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án tại địa bàn thuộc phạm vi quản lý; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Nơi nhận:
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, KHĐT, Tài chính, TN và MTr, GTVT-XD, TTTT;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lào Cai;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- CVP, PCVP3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh